

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 285/2022/DS-PT

Ngày: 28-9-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hinh Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28, 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2022/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1975.

Cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Tô N, sinh năm 1995, trú tại số 83, đường H, khóm 4, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (giấy ủy quyền ngày 09 tháng 9 năm 2022) (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1966 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1972.

3. Anh Nguyễn Tính E (Nguyễn Thương T), sinh năm 1993.

4. Anh Nguyễn Tính A (Nguyễn Chánh T), sinh năm 1991

5. Chị Nguyễn Nga M, sinh năm 1990

Cùng cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Thương T, Nguyễn Chánh T, chị Nguyễn Nga M: Bà Nguyễn Kim C: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1966 (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 9 năm 2022) (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* (Không triệu tập)

1. Ông Trương Văn L

2. Ông Nguyễn Thanh T

Cùng cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2019 của nguyên đơn ông Nguyễn Minh P và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Năm 1999 ông P có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng một phần đất của ông Trương Bé B diện tích 10 công tằm lớn và con mương chiều ngang 4m chạy dài từ phần đất chuyển nhượng đến sông Mang Rổ với giá 10.000.000 đồng, đất tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Khi nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Bé B có con mương cặp ranh với ông Trương Văn L và ông Nguyễn Thanh H, đất ông H khi đó là biên lá chưa khai phá. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông P có đào con kênh ngang 2m chạy dài từ đất xuống sông Mang Rổ. Do canh tác không hiệu quả nên ông P đi làm thuê sinh sống, năm 1999 ông Trương Văn L lấn chiếm con mương và bờ của ông P. Tòa án đã giải quyết buộc ông L trả đường xổ nước ngang 4m, dài 160, tổng diện tích 640m². Ngày 09/5/2019 Chi cục thi hành án dân sự huyện T, cưỡng chế buộc ông L giao trả lại đường nước chiều ngang 4m, dài 160m, diện tích 640m². Sau khi nhận đường nước ông P thuê ông H cải tạo đóng cừ tràm và đặt ống bọng thoát nước, đến ngày 09/9/2019 ông H đã tự ý căng dây, cắm mốc lấn chiếm toàn bộ đường nước của ông P đã được Chi cục thi hành án dân sự huyện T đã cưỡng chế giao cho ông P. Do đó, bà Như đại diện cho ông P yêu cầu ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Kim C và những người con của ông H bà C gồm ông Nguyễn Tính E, ông Nguyễn Tính A, bà Nguyễn Nga M trả lại toàn bộ phần đất đã lấn chiếm.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông không có lấn chiếm đường nước chiều ngang 4m, dài 160m, diện tích 640 m² của ông Nguyễn Minh P. Ngày 09/5/2019 Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau đo đất giao cho ông P nhưng lấn qua bờ đất của ông, nên ông không ký tên vào biên bản cưỡng chế giao tài sản, ông có yêu cầu ông L thỏa thuận để giao trả đường nước cho ông P, đến ngày 06/8/2019 ông L yêu cầu không thừa kiện để ông thỏa thuận trả đường nước cho ông P và có lập biên bản thỏa thuận phân chia ranh đất, bà D là em của ông P có ký tên vào biên bản. Hiện tại ông L đã trả cho ông P đường nước chiều ngang 4m, dài từ đất ông P đến sông Mang Rổ. Ông không có lấn chiếm đất của ông P nên ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông P.

Bị đơn bà Nguyễn Kim C trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Thanh H, bà không đồng ý trả đất cho ông P vì bà không có lấn chiếm đất của ông P.

Ông Nguyễn Ro N đại diện cho ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông T có phần đất giáp với đường nước của ông P, giữa ông T và ông P không có tranh chấp nên ông không có yêu cầu.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tính E, Nguyễn Tính A, Nguyễn Nga M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh Tính E, anh Tính A, chị M, ông L vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Nguyễn Minh P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2022/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã Quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 166, Điều 170; Điều 203 Luật đất đai và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh P. Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Tính A, ông Nguyễn Tính E, bà Nguyễn Nga M trả cho ông Nguyễn Minh P phần đất có diện tích đất đo đạc thực tế là: 564 m², tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Cụ thể như sau :

Phần đất thứ nhất diện tích 57,5m², vị trí:

+ Phía Đông giáp sông Mang Rỏ từ điểm M11' đến điểm M12 dài 4,79m;

+ Phía Tây giáp ranh giải phóng mặt bằng dự án hệ thống thủy lợi tiêu vùng X – Nam Cà Mau từ điểm M10' đến M15 dài 4,98m;

+ Phía Nam giáp phần đất ông Nguyễn Thanh H từ điểm M12 đến điểm M15 dài 14,59m;

+ Phía Bắc giáp phần đất ông Trương Văn L và ông Nguyễn Văn U từ điểm M10' đến điểm M11' dài 14,41m.

Phần đất thứ hai diện tích 506,5m², vị trí:

+ Phía Đông giáp ranh giải phóng mặt bằng dự án hệ thống thủy lợi tiêu vùng X – Nam Cà Mau từ điểm M1 đến M1' dài 4,58m

+ Phía Tây giáp phần đất ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Minh P điểm M2' đến M5 dài 4m;

+ Phía Nam giáp phần đất ông Nguyễn Thanh H từ điểm M5 đến điểm M9 dài 126,32m;

+ Phía Bắc giáp phần đất ông Trương Văn L và ông Nguyễn Văn U từ điểm M1' đến điểm M2' dài 128,79m.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc thẩm định, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/7/2022 ông Nguyễn Thanh H kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tại phiên Tòa phúc thẩm ông H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, lý do của việc kháng cáo là khi tiến hành thủ tục thi hành án giao đất cho ông P thì ông không đồng ý và bà D đã thỏa thuận phần đất tranh chấp giao cho ông theo biên bản ngày 06/8/2019.

[2] Xét kháng cáo ông H thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông H thừa nhận phần đất này trước đây giữa ông P và ông L đã tranh chấp và đã được Tòa án hai cấp tỉnh Cà Mau giải quyết và Cơ quan Thi hành án đã tiến hành giao đất cho ông P, sau đó giữa bà D và ông có thỏa thuận thì phần đất đang tranh chấp hiện nay thuộc quyền sử dụng của ông và ông không thừa nhận việc cơ quan Thi hành án cưỡng chế giao đất cấm từ trụ đá qua phần đất ông 4m, việc ông P làm ống bọng để xô vuông là không có mà là do ông Bé B là anh của ông nhờ đất của ông sử dụng.

Xét lời trình bày của ông H là không có cơ sở, tại biên bản cưỡng chế thi hành án (BL 16) thể hiện ông H có mặt nhưng không ký vào biên bản, tại biên bản hòa giải ông H không thống nhất việc cấm ranh cưỡng chế Thi hành án và không ký tên vào biên bản (BL 10, 14). Tại phiên tòa sơ thẩm ông H cũng trình bày khi tiến hành cưỡng chế thi hành án, cấm trụ đá đo qua đất ông 4m, ông có chứng kiến nhưng ông không khiếu nại việc thi hành án, lý do không khiếu nại là ông L đồng ý trả cho ông P 04m (BL 264, 265), bà C vợ ông H cũng thừa nhận khi cấm trụ đá đo qua đất của bà, bà không khiếu nại nhưng bà không khiếu nại vì khi đó đang thỏa thuận (BL 265). Giữa ông H và bà C trình bày cũng mâu thuẫn nhau, bà C xác định khi cưỡng chế thi hành án thì đang thỏa thuận còn ông H thì cho rằng đã thỏa thuận xong, ông L đồng ý giao đất cho ông P. Xét nếu đã có sự thỏa thuận thì không có việc cưỡng chế thi hành án, cưỡng chế xong thì ông P đặt cống trên phần đất đã cưỡng chế và ông H là người làm công. Ông H cho rằng việc làm cống là ông Bé B mượn đường làm để gia đình ông Bé B nuôi tôm, trong khi ông Bé B không còn phần đất nào tại nơi tranh chấp.

Đối với biên bản ông H kháng cáo cho rằng có việc thỏa thuận giao đất ngày 06/8/2019 (BL 06) giữa ông Bé B, ông L, ông H, bà D. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H thừa nhận khi thỏa thuận giữa ông và ông Bé B, ông L thỏa thuận xong đưa cho bà D ký (BL 265), tại phiên tòa phúc thẩm ông H cho rằng khi thỏa thuận

có sự tham gia của bà D, bà D thì xác định biên bản do ông H đưa và khẳng định nội dung ký vào biên bản là sẽ không còn tranh chấp với ông L, do thiếu hiểu biết, tin tưởng ông H nên ký tên, thực chất đất này của ông P không phải của bà. Ông H yêu cầu Tòa án xác minh biên bản ngày 06/8/2019 có sự tham gia của bà D hay không được bà D thống nhất. Theo biên bản xác minh ngày 29/9/2022 với ông Ngô Lic K thể hiện khi lập biên bản thỏa thuận không có sự tham gia của bà D, ông Đào Trọng N thì không nhớ.

[3] Theo hồ sơ thể hiện thì bà D được sự ủy quyền của ông P làm đơn yêu cầu về việc tranh chấp với ông H ngày 09/9/2019, cũng thời điểm này bà D có đơn yêu cầu đối với ông H (BL 09). Đối với biên bản thỏa thuận bà D không tham gia thỏa thuận, có ký tên, mặc dù bà D ký tên trong biên bản cũng không có căn cứ vì đất này cơ quan thi hành án đã cưỡng chế giao cho ông P vào ngày 09/5/2019, đến ngày 06/8/2019 có biên bản thỏa thuận thì cũng chưa có tài liệu nào chứng minh ông P đã giao quyền sử dụng hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng cho bà D.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông H cung cấp chứng cứ ông Út đòi đất với bà D, các chứng cứ thể hiện nội dung đòi đất tính từ trụ đá qua đất của ông Út. Căn cứ vào biên bản đòi đất thì cũng không liên quan đến phần đất tranh chấp. Như vậy bản án sơ thẩm giải quyết nhận định phần đất đang tranh chấp là phần đất mà Chi cục thi hành án dân sự huyện T đã cưỡng chế giao cho ông P theo Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2009/DS-ST ngày 13/01/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay ông H không đưa ra tài liệu nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H.

[5] Án sơ thẩm có nhầm lẫn các điểm trên bảng trích đo hiện trạng về việc buộc ông H giao cho ông P vị trí phía Đông giáp ranh giải phóng mặt bằng dự án hệ thống thủy lợi tiểu vùng X-Nam Cà Mau từ điểm M1 đến M1' dài 4,58m. Nay điều chỉnh là từ điểm M1' đến M9 là 4,82m cho phù hợp với hiện trạng.

[6] Từ nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị giữ nguyên án án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của ông H không được chấp nhận nên Hận phải chịu án phí, đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[8] Các quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 29 Nghị Quyết 326 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 166, Điều 170; Điều 203 Luật đất đai và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh P. Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Kim C, anh Nguyễn Tính A (Nguyễn Chánh T), anh Nguyễn Tính E (Nguyễn Thương T), chị Nguyễn Nga M trả cho ông Nguyễn Minh P phần đất có diện tích đất đo đạc thực tế là: 564m², tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Cụ thể như sau :

Phần đất thứ nhất diện tích 57,5m², vị trí:

- + Phía Đông giáp sông Mang Rổ từ điểm M11' đến điểm M12 dài 4,79m;
- + Phía Tây giáp ranh giải phóng mặt bằng dự án hệ thống thủy lợi tiêu vùng X – Nam Cà Mau từ điểm M10' đến M15 dài 4,98m;
- + Phía Nam giáp phần đất ông Nguyễn Thanh H từ điểm M12 đến điểm M15 dài 14,59m;
- + Phía Bắc giáp phần đất ông Trương Văn L và ông Nguyễn Văn U từ điểm M10' đến điểm M11' dài 14,41m.

Phần đất thứ hai diện tích 506,5m², vị trí:

- + Phía Đông giáp ranh giải phóng mặt bằng dự án hệ thống thủy lợi tiêu vùng X – Nam Cà Mau từ điểm M1' đến M9' dài 4,82m
- + Phía Tây giáp phần đất ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Minh P điểm M2' đến M5 dài 4m;
- + Phía Nam giáp phần đất ông Nguyễn Thanh H từ điểm M5 đến điểm M9 dài 126,32m;
- + Phía Bắc giáp phần đất ông Trương Văn L và ông Nguyễn Văn U từ điểm M1' đến điểm M2' dài 128,79m.

Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Kim C, anh Nguyễn Tính A (Nguyễn Chánh T), anh Nguyễn Tính E (Nguyễn Thương T), chị Nguyễn Nga M trả cho ông Nguyễn Minh P số tiền 12.757.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn đồng)

Về án phí: Ông Nguyễn Minh P không phải chịu án phí, ông P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019525 ngày 03/10/ 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, ông P được nhận lại.

Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Kim C, anh Nguyễn Tính A (Nguyễn Chánh T), anh Nguyễn Tính E (Nguyễn Thương T), chị Nguyễn Nga M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Án phí Phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 đồng, đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018067 ngày 08/7/2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà